TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh L.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh X.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Vũ Qu - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế không tham gia phiên toà***.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai, trực tiếp vụ án thụ lý số: 887/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/01/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Lê Văn L, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số 03 kiệt 97 đường Tôn Quang Phiệt, phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1988.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích: Số 03 kiệt 97 đường Tôn Quang Phiệt, phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M là bạn học thời cấp 2, sau thời gian quen biết được sự đồng ý của 2 bên gia đình cho tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương; tiến hành đăng ký kết hôn ngày 07/11/2013 tại Ủy ban Nhân dân phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại số nhà cha mẹ anh Lê Văn L tại số 03 kiệt 97 đường Tôn Quang Phiệt, phường An Đông, thành phố Huế. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc và sinh được 01 người con chung. Thời gian này anh Lê Văn L làm công nhân tại nhà máy tôn Bảo Khánh; còn chị Nguyễn Thị Trà M buôn bán áo quần tại Phố đêm ở thành phố Huế.

Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì năm 2018 xảy ra mâu thuẫn; thời gian này chị Nguyễn Thị Trà M mới sinh con được 4 tháng tuổi, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên bỏ nhà đi để lại người con chung cho anh Lê Văn L cùng gia đình chăm sóc từ đó cho đến nay; không liên lạc gì với chồng và gia đình; anh Lê Văn L tìm kiếm nhưng không có kết quả. Do chị Nguyễn Thị Trà M bỏ đi biệt tích khỏi địa phương nên anh Lê Văn L tiến hành làm thủ tục yêu cầu Toà án tuyên bố chị Nguyễn Thị Trà M mất tích.

Sau khi nộp đơn ly hôn cho đến thời điểm hiện nay thì anh Lê Văn L vẫn không có tin tức gì về chị Nguyễn Thị Trà M. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh Lê Văn L yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Trà M để mỗi người sớm có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Văn Phúc Kh, sinh ngày 16/9/2014 đang sống với anh Lê Văn L và đi học tại địa phương nên anh Lê Văn L yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn L có công việc, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên không yêu cầu chị Nguyễn Thị Trà M đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ tài sản chung: Anh Lê Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Trà M đã bị Toà án tuyên bố mất tích; quá trình giải quyết vụ án không tham gia phiên họp, phiên hoà giải, phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn L khởi kiện chị Nguyễn Thị Trà M có nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích thuộc địa bàn phường An Đông, thành phố Huế nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Huế.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Trà M vắng mặt không lý do; không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Trà M.

- Đối với vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 21, Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế không tham phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Trà M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/11/2013 tại Ủy ban Nhân dân phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sinh sống hạnh phúc và có 01 người con chung. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân như quan điểm sống khác nhau, không hợp tính tình; sau đó chị Nguyễn Thị Trà M bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức còn sống hay đã chết nên anh Lê Văn L làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố chị Nguyễn Thị Trà M mất tích.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 224/2023/QĐST-VDS ngày 24/8/2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 185/2023/QĐ-SCBSQĐ ngày 29/9/2023 của Toà án Nhân dân thành phố Huế đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Trà M mất trích; các Quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

Qua lời khai của anh Lê Văn L và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trà M theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Văn Phúc Kh, sinh ngày 16/9/2014 đang sống với anh Lê Văn L nên cần tiếp tục giao cho anh Lê Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn L không yêu cầu chị Nguyễn Thị Trà M đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung là tự nguyện, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các Điều 57, 58, 81, 82, 83

Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L; anh Lê Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trà M.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Lê Văn Phúc Kh, sinh ngày 16/9/2014 cho anh Lê Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Trà M không đóng tiền cấp dưỡng nuôi người con chung tên Lê Văn Phúc Kh.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001173 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Lê Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Trà M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh L

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TpHuế;
- Chi cục THADS TpHuế;
- UBND phường An Đông, TpHuế;
(Đăng ký kết hôn ngày 07/11/2013);
- Đương sự;
- Lưu Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.